HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2025/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác của tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ đương chức và nguyên chức: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

b) Cán bộ đương chức và nguyên chức: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ

tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

c) Cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có cấp hàm từ Thiếu tướng trở lên, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

d) Cán bộ đương chức: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

đ) Cán bộ đương chức: cấp phó các sở, ban, ngành, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường.

e) Cán bộ đương chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quản lý.

g) Các đồng chí nguyên Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nguyên cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương công tác trong tỉnh và ở tỉnh ngoài nay nghỉ hưu, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh; các đồng chí nguyên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quản lý và các đồng chí nguyên ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

h) Cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có cấp hàm từ Thượng tá trở lên; các đồng chí là Trung đoàn trưởng, Chính uỷ Trung đoàn và tương đương đã nghỉ hưu, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

i) Cán bộ nguyên chức: lãnh đạo cấp cục vụ, viện và tương đương trở lên thuộc các cơ quan Trung ương nghỉ hưu và có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

k) Cán bộ đương chức: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường.

l) Cán bộ Lão thành cách mạng; cán bộ Tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.

m) Cán bộ đương chức và nguyên chức: Nghệ sỹ Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sỹ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú.

n) Công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có hệ số

lương từ 5,76 trở lên đối với nam, từ 5,08 trở lên đối với nữ đang công tác hoặc đã nghỉ hưu.

o) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối với cán bộ đương chức và nguyên chức đã từng giữ nhiều cương vị lãnh đạo, quản lý khác nhau nếu cùng một chế độ thì thực hiện chế độ theo chức vụ cao nhất.

2. Đối với cán bộ thuộc diện được chăm sóc sức khỏe cán bộ các tỉnh, thành phố và cơ quan Trung ương quản lý chuyển về công tác hoặc nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy định hiện hành của tỉnh Ninh Bình.

3. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại các bệnh viện công lập cấp chuyên sâu.

4. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm tại các bệnh viện công lập cấp chuyên sâu.

5. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm tại các bệnh viện công lập cấp cơ bản.

6. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh 01 lần/năm tại các cơ sở y tế trong nước.

7. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh 01 lần/năm tại các cơ sở y tế nước ngoài.

8. Đối tượng quy định tại điểm a ,b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe trong nước không quá 02 lần/nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh (mỗi lần không quá 05 ngày, không kể thời gian đi - về).

9. Đối tượng quy định tại điểm a ,b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được thăm hỏi cán bộ khi điều trị nội trú tại cơ sở y tế không quá 02 lần/năm.

10. Đối tượng quy định tại điểm a ,b, c, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này trong trường hợp bị mắc bệnh hiểm nghèo và được Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh kết luận là bệnh hiểm nghèo thì được hỗ trợ 01 lần/bệnh nhân.

Điều 3. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm

1. Đối với đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này:

a) Hỗ trợ 100% chi phí khám lâm sàng, cận lâm sàng, tiền thuốc cho đối tượng theo hóa đơn thực tế của bệnh viện công lập cấp chuyên sâu thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng cung cấp.

b) Hỗ trợ tiền ăn, kinh phí đi lại cho các đối tượng khi đi khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện công lập cấp chuyên sâu là 05 triệu đồng/người/lần khám.

2. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 100% chi phí khám lâm sàng, cận lâm sàng và tiền thuốc theo hóa đơn thực tế của bệnh viện công lập cấp cơ bản thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng cung cấp.

Điều 4. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe khi thực hiện quy trình công tác cán bộ

Hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe toàn diện cho cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, chi phí khám chữa bệnh theo hóa đơn thực tế của bệnh viện cung cấp.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

1. Khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong nước

a) Hỗ trợ 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và 100% chi phí các dịch vụ kỹ thuật cao, tiền thuốc không thuộc nguồn bảo hiểm y tế chi trả theo hóa đơn thực tế khi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế công lập cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Trường hợp khám bệnh, chữa bệnh ở các cơ sở y tế ngoài công lập, ngoài hỗ trợ 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế còn được hỗ trợ 70% chi phí các dịch vụ kỹ thuật cao không thuộc danh mục chi trả bảo hiểm y tế nhưng không vượt quá 70 triệu đồng/lần theo hóa đơn thực tế của cơ sở y tế ngoài công lập cung cấp cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế nước ngoài

Hỗ trợ 30% chi phí khám, điều trị theo hóa đơn thực tế của cơ sở y tế nước ngoài cung cấp và hỗ trợ chi phí ăn, nghỉ, phương tiện đi lại bằng 70 triệu đồng/người/đợt điều trị cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 6. Hỗ trợ tiền ăn

Hỗ trợ 120 nghìn đồng/người/ngày cho các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 7. Hỗ trợ chi phí đi lại khi chuyển viện lên tuyến trên để khám và điều trị bệnh

Hỗ trợ chi phí đi lại cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này là 03 triệu đồng/lần khi phải chuyển tuyến trên để khám và điều trị theo chỉ định của bác sỹ.

Điều 8. Hỗ trợ chi phí nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe trong nước

Hỗ trợ kinh phí đi nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe trong nước cho đối tượng quy định tại điểm a ,b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này là không quá 20 triệu đồng/lần nghỉ dưỡng (mức hỗ trợ này là mức hỗ trợ tối đa để thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh/người/lần nghỉ dưỡng, bao gồm cả chi phí tổ chức đưa đón cán bộ đi nghỉ dưỡng sức).

Sở Y tế chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy giao cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình phối hợp với Bệnh viện đa khoa Nam Định, Bệnh viện đa khoa Hà Nam xây dựng kế hoạch, tổ chức đưa, đón cán bộ đi nghỉ dưỡng.

Điều 9. Hỗ trợ kinh phí thăm hỏi khi điều trị nội trú tại cơ sở y tế

1. Hỗ trợ 07 triệu đồng/người/lần cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 05 triệu đồng/người/lần cho đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 10. Hỗ trợ khi mắc bệnh hiểm nghèo

1. Hỗ trợ 120 triệu đồng/người cho đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ 100 triệu đồng/người cho đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 11. Nguồn kinh phí

Nguồn Ngân sách tỉnh và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 13;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Lê Quốc Chỉnh